

NGHỊ QUYẾT

**Về việc Quyết định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non,
giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính
phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống
giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá
dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu
vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định mức học phí đối với cơ sở
giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2022-2023 trên địa
bàn tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Quyết định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo
dục phổ thông công lập từ năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
như sau:**

1. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo
dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022-2023

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

Vùng \ Cấp học	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Thành thị	300.000	300.000	300.000	300.000
Nông thôn	100.000	100.000	100.000	200.000
Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	57.000	50.000	50.000	100.000

Học sinh tiểu học công lập không phải đóng học phí; mức học phí đối với giáo dục tiểu học quy định tại Nghị quyết này dùng làm căn cứ để hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định.

3. Trường hợp học trực tuyến (học online), mức học phí bằng 50% mức học phí học trực tiếp.

4. Các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

5. Từ năm học 2023-2024 trở đi, mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ (nếu phải điều chỉnh mức học phí, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, mức độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân để trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định).

6. Thời gian thu học phí

a) Đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập, học phí được thu tối đa 9 tháng/năm.

b) Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, học phí được thu theo số tháng thực học.

c) Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng thì Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định cụ thể thời gian thu, mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh.

7. Quy định về vùng để áp dụng mức thu học phí

a) Vùng thành thị

Học sinh có đăng ký thường trú tại các phường của thành phố Ninh Bình và thành phố Tam Điệp.

b) Vùng nông thôn

Học sinh có đăng ký thường trú tại các xã, thị trấn của các huyện (trừ các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi của huyện Nho Quan) và các xã của thành phố Ninh Bình, thành phố Tam Điệp.

c) Vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Học sinh có đăng ký thường trú tại các xã: Thạch Bình, Văn Phương, Yên Quang, Cúc Phương, Kỳ Phú, Phú Long, Quảng Lạc của huyện Nho Quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Khi các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2022. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên từ năm học 2021-2022 của tỉnh Ninh Bình và Nghị quyết số 134/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên từ năm học 2021-2022 của tỉnh Ninh Bình./. *llo*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XV;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, P.CTHĐND.



CHỦ TỌA KỲ HỌP

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND
Bùi Hoàng Hà